



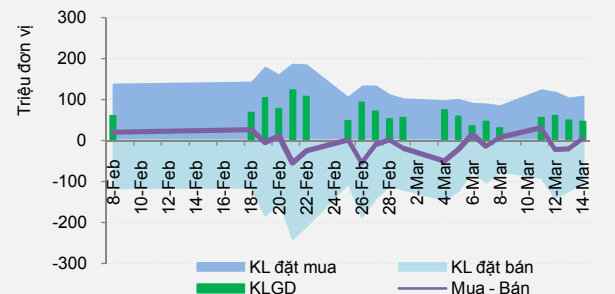
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 14/3/2013

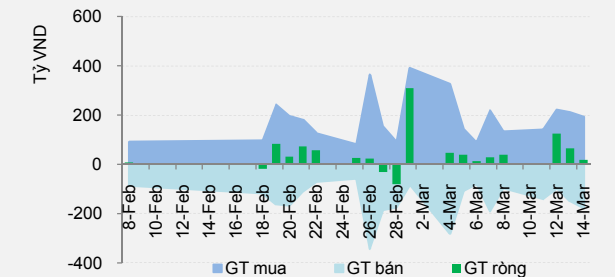
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	474.6	61.8
% Thay đổi	↑ 0.3%	↑ 0.6%
KLGD (CP)	46,721,100	39,923,958
GTGD (tỷ đồng)	726.44	313.58
Tổng cung (CP)	102,157,850	80,167,700
Tổng cầu (CP)	106,996,000	80,718,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	7,455,460	1,828,664
KL mua (CP)	7,136,230	2,532,000
GTmua (tỷ đồng)	194.55	20.68
GT bán (tỷ đồng)	175.86	25.25
GT ròng (tỷ đồng)	18.69	(4.57)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.93%	7.1	1.4	0.9%
Công nghiệp	↑ 1.20%	16.9	0.9	20.6%
Dầu khí	↑ 0.43%	6.3	1.1	3.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.32%	6.7	1.2	1.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.58%	6.2	2.2	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.08%	12.3	4.8	12.0%
Ngân hàng	↓ -0.52%	5.8	1.5	15.6%
Nguyên vật liệu	↑ 1.36%	7.9	2.0	11.4%
Tài chính	↑ 0.83%	27.5	3.0	30.9%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.18%	8.6	2.8	3.5%
VN - Index	↑ 0.30%	13.2	2.9	70.1%
HNX - Index	↑ 0.62%	18.8	1.4	29.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	491,510	1.1%	729,360	1.6%
GTGD (triệu VND)	9,005	1.2%	11,469	1.6%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường tăng điểm nhẹ trở lại tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm cho thấy lực cầu giảm đi khi thị trường tăng điểm. Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì dự báo thị trường đã kết thúc sóng hồi và sẽ tiếp tục điều chỉnh. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 460 điểm, mức hỗ trợ ngắn hạn cho thị trường là khu vực 59 điểm.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 474.6 điểm, tăng 1.42 điểm tương ứng với mức 0.3% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 44.80 triệu đơn vị, giảm 7.09% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 61.81 điểm, tăng 0.38 điểm tương ứng với mức 0.62% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 38.98 triệu đơn vị, giảm 19.19% so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu lớn có sự phân hóa trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như VIC tăng 0.79%, STB tăng 3.30%, PVF tăng 1.8%... Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như VCB giảm 1.54%, CTG giảm 2.56%, PVD giảm 0.74%... Các cổ phiếu GAS, MSN, VNM và BVH đứng giá ở mức tham chiếu.

- Ngày 13/3/2013, NHNN vừa ban hành dự thảo Thông tư Quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02 của Chính phủ. Theo đó, 5 Ngân hàng Nhà nước nắm cổ phần chi phối (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank, MHB) sẽ dành tối thiểu 3% tổng dư nợ tín dụng năm 2012, tương đương 42,425 tỷ đồng để cho vay hỗ trợ nhà ở, đối với các đối tượng được ưu tiên. Lãi suất cho vay được cố định ở mức 6%/năm, trong vòng 3 năm, kể từ ngày Thông tư có hiệu lực ngày 15/4/2013. Sau thời điểm trên, NHNN sẽ quy định mức lãi suất phù hợp.

- Theo dự thảo, khách hàng mua, thuê mua nhà không cần vốn đối ứng, mức vốn đối ứng tối thiểu trong hợp đồng vay mua/xây dựng nhà giá thấp, nhà ở xã hội của khách hàng cá nhân là 20%, của doanh nghiệp là 30%. Tính trung bình với mức vốn đối ứng 20%, sẽ có khoảng 53 nghìn tỷ đồng dành cho việc mua, xây dựng BĐS giá thấp, nhà ở xã hội.

- Giá xăng dầu tại thị trường Singapore tiếp tục diễn biến giảm. Giá xăng Ron 95 ngày hôm nay xuống 123.2 USD/thùng, giảm 5.37% so với thời điểm ngày 27/2, khi Thủ tướng Chính phủ quyết định tăng trích quỹ bình ổn, giữ nguyên giá xăng dầu. Dự kiến, cơ quan quản lý nhiều khả năng sẽ điều chỉnh giảm mức trích từ quỹ bình ổn, không điều chỉnh giảm giá trong thời điểm hiện tại.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 474.6 điểm, tăng 1.42 điểm tương ứng với mức 0.3% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng. Với tín hiệu break không thuyết phục thì chỉ số VN-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số VN-Index giảm điểm qua trendline, giảm điểm qua MA20.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ trở lại tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm cho thấy lực cầu giảm đi khi thị trường tăng điểm. Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì dự báo chỉ số VN-Index đã kết thúc sóng hồi và sẽ tiếp tục điều chỉnh. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 460 điểm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 61.81 điểm, tăng 0.38 điểm tương ứng với mức 0.62% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm qua trendline, giảm điểm qua MA20

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ trở lại tuy nhiên khối lượng giao dịch lại sụt giảm cho thấy lực cầu giảm đi khi thị trường tăng điểm. Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì dự báo chỉ số HNX-Index đã kết thúc sóng hồi và sẽ tiếp tục điều chỉnh. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Mức hỗ trợ ngắn hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 59 điểm.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2014	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tăng nhẹ trên hai sàn sau thông tin NHNN ban hành dự thảo thông tư hướng dẫn việc cho vay mua, thuê mua, xây dựng nhà ở xã hội, nhà giá thấp. Nhóm cổ phiếu BĐS, VLXD vẫn thu hút được dòng tiền, tuy nhiên áp lực cung vẫn khá mạnh. Diễn biến này cho thấy động lực tăng điểm của thị trường yếu.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu BĐS có giá trị hàng tồn kho cao nhất, 10 cổ phiếu có hệ số beta cao nhất, 10 cổ phiếu giảm giá mạnh nhất từ mốc đỉnh ngày 20.02.2013, để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU BĐS CÓ GIÁ TRỊ HÀNG TỒN KHO CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012											
VIC	373	110.08%	186,330	2,041	11,374	3.44%	18.42%	31.36	33.45	0.42	5.63	17,794
KBC	-225	-1382.89%	2,035,732	-1,517	13,715	-3.73%	-10.48%	-5.74	33.45	2.86	0.63	7,054
PDR	4	-22.22%	76	37	10,952	0.10%	0.34%	525.02	33.45	-0.01	1.79	4,586
SJS	-175	-143.74%	606,122	-3,036	15,448	-5.70%	-17.84%	-6.79	33.45	1.65	1.33	4,334
HAG	27	-82.70%	754,682	655	18,172	1.24%	3.67%	41.85	33.45	1.68	1.51	3,685
QCG	12	127.54%	73,791	79	18,074	0.18%	0.43%	91.57	33.45	0.60	0.40	3,392
ITA	1	-75.65%	5,143,893	40	13,218	0%	0%	190.60	33.45	2.68	0.58	3,350
SCR	-21	456.35%	6,665,344	587	15,693	1.25%	3.80%	14.49	33.45	2.44	0.54	3,281
IJC	15	-42.11%	618,460	672	10,997	4.10%	5.99%	14.28	33.45	1.79	0.87	2,529
BCI	15	93.39%	25,546	2,384	24,853	4.38%	9.76%	6.50	33.45	0.58	0.62	2,245

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ BETA CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012											
KBC	-225	-1382.89%	2,035,732	-1,517	13,715	-3.73%	-10.48%	-5.74	33	2.86	0.63	7,054
S96	-2	88.97%	103,483	-455	7,503	-1.16%	-5.88%	-7.70	32	2.80	0.47	22
VIG	1	34.24%	840,572	-1,860	6,361	-20.99%	-25.52%	-1.56	#N/A	2.75	0.46	0
ITA	1	-75.65%	5,143,893	40	13,218	0.19%	0.31%	190.60	33	2.68	0.58	3,350
PVX	-669	-578.33%	8,711,997	-3,019	7,967	-5.89%	-36.61%	-1.95	32	2.67	0.74	4,214
PVL	-5	-933.05%	1,291,715	-530	10,374	-2.81%	-4.98%	-8.11	33	2.66	0.41	280
ICG	-4	-110%	341,508	89	12,302	0.43%	0.68%	69.90	32	2.63	0.50	210
ORS	1	99.65%	462,206	15	8,235	0.04%	0.19%	196.48	#N/A	2.59	0.36	0
PXA	-51	-1095.90%	123,978	-3,390	7,111	-9.15%	-38.48%	-0.77	33	2.56	0.37	61
VGS	7	948.58%	1,015,794	344	13,336	1.03%	2.61%	15.98	13	2.50	0.41	213

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU GIẢM MẠNH NHẤT SO VỚI ĐỈNH NGÀY 20.02.2013

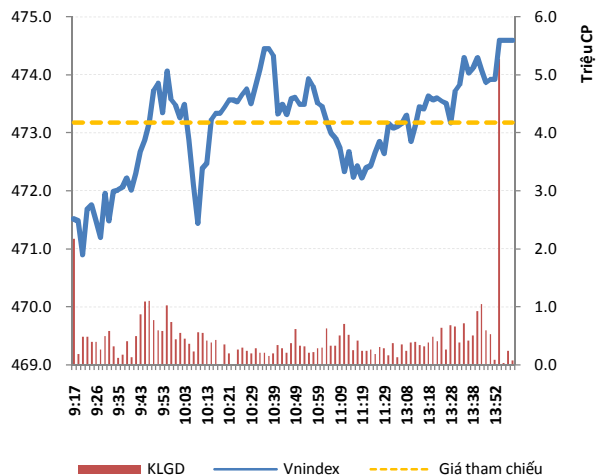
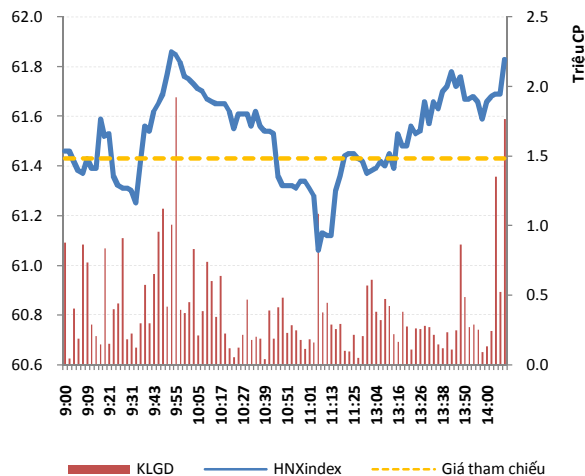
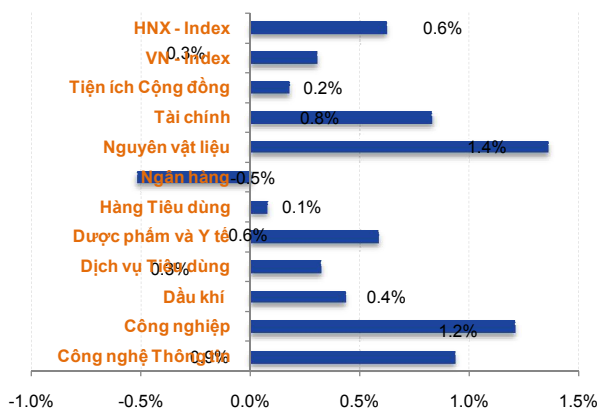
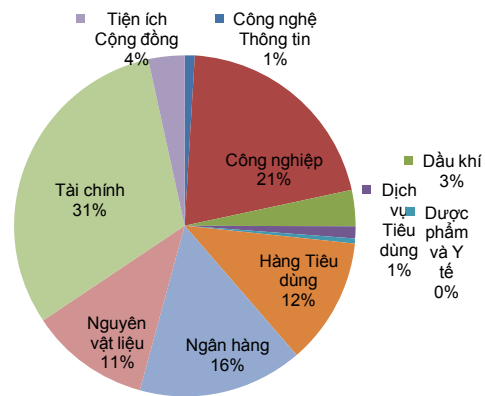
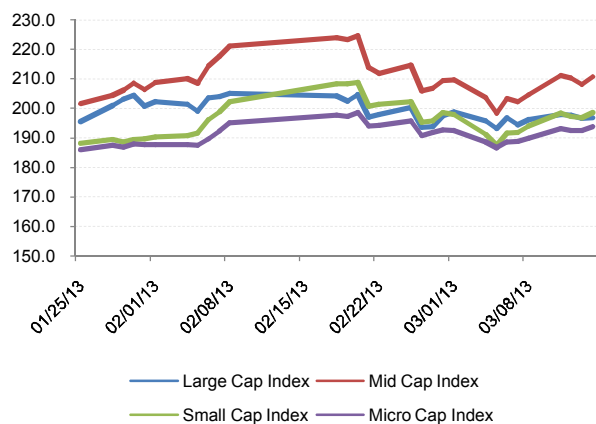
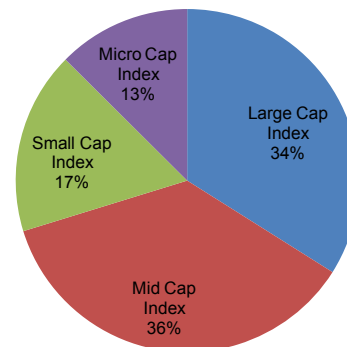
Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Biến động giá
	QIV/2012											
GFC	11	-329.46%	161	-3,928	2,249	-4.74%	-79.65%	-0.79	-0.43	1.09	1.38	-56.94%
SBS	1	17.66%	76,024	-1,067	-1,982	-5.45%	-53.87%	-1.31	1.00	2.15	-0.71	-56.25%
SHA	2	#N/A	2,272	760	11,088	2.55%	7.07%	7.76	#N/A	0.00	0.53	-47.79%
VNN	0	-	611	197	12,084	1.59%	1.78%	19.25		0.00	0.31	-44.12%
HTB	0	-	28	30	10,723	0.06%	0.28%	881.12	1.00	0.39	2.45	-40.77%
BSC	1	-38.40%	56	1,341	11,138	9.06%	11.45%	6.04	-0.21	0.72	0.73	-37.69%
VE8	0	#N/A	78	141	10,332	1%	1%	13.48		1.05	0.18	-36.67%
SJM	-2	-41.50%	9,467	-2,307	9,987	-6.60%	-21.14%	-0.78	0.81	0.15	0.18	-35.71%
DTC	-13	-6294.47%	4,844	-17,826	-2,982	-28.74%	-569.39%	-0.15	-3.17	0.01	-0.91	-34.15%
GMX	3	-12.52%	306	2,550	13,560	11.54%	18.24%	4.08	-0.16	0.71	0.77	-33.33%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 14/03/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GMD	1,067,280	CTG	4,837,750
2	HPG	572,480	BVH	318,450
3	HBC	384,230	IJC	264,750
4	TTF	384,070	DPM	107,720
5	PPC	315,770	KDH	49,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	648,800	PVS	1,265,400
2	PVX	402,400	SHS	31,400
3	VIG	357,400	SCR	30,000
4	APS	280,000	EBS	15,000
5	VCG	148,600	VE9	6,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CTG	19.5	19.0	↓ -2.56%	5,367,320
ITA	7.5	7.7	↑ 2.67%	3,444,390
LCG	7.7	8.0	↑ 3.90%	2,440,930
GMD	31.7	33.0	↑ 4.10%	1,543,990
HQC	5.4	5.6	↑ 3.70%	1,384,250

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	8.3	8.5	↑ 2.41%	7,048,705
PVX	5.7	5.8	↑ 1.75%	6,340,574
SHB	6.9	6.9	→ 0.00%	4,776,000
KLS	9.1	9.2	↑ 1.10%	2,540,664
PVS	14.4	14.7	↑ 2.08%	2,097,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
VSG	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
BTP	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
LIX	30.2	32.3	2.1	↑ 6.95%
ALP	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
CJC	21.4	23.5	2.1	↑ 9.81%
BXH	6.2	6.8	0.6	↑ 9.68%
MIC	16.8	18.4	1.6	↑ 9.52%
SDE	8.5	9.3	0.8	↑ 9.41%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
COM	31.5	29.3	-2.2	↓ -6.98%
VNH	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
KAC	10.2	9.5	-0.7	↓ -6.86%
TDW	16.4	15.3	-1.1	↓ -6.71%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
DL1	8.1	7.3	-0.8	↓ -9.88%
VBH	17.5	15.8	-1.7	↓ -9.71%
HPR	10.5	9.5	-1.0	↓ -9.52%
LUT	7.4	6.7	-0.7	↓ -9.46%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	5,367,320	19.8%	2,345	8.1	1.5
ITA	3,444,390	0.3%	40	192.4	0.6
LCG	2,440,930	-3.4%	(672)	-	0.4
GMD	1,543,990	2.3%	925	35.7	0.8
HQC	1,384,250	2.8%	337	16.6	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	7,048,705	3.8%	587	14.5	0.5
PVX	6,340,574	-36.6%	(3,019)	-	0.7
SHB	4,776,000	0.4%	44	156.2	0.6
KLS	2,540,664	0.9%	109	84.6	0.7
PVS	2,097,700	17.9%	3,119	4.7	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 11.1%	-17.7%	(1,718)	(0.6)	0.1
VSG	↑ 10.0%	-1066.1%	(5,309)	(0.2)	(0.7)
BTP	↑ 7.0%	13.5%	2,094	5.1	0.7
LIX	↑ 7.0%	22.5%	2,738	11.8	2.5
ALP	↑ 6.9%	-9.9%	(1,068)	(10.1)	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVC	↑ 10.0%	-12.4%	(1,299)	(0.8)	0.2
CJC	↑ 9.8%	24.3%	6,316	3.7	0.9
BXH	↑ 9.7%	14.9%	2,046	3.3	0.5
MIC	↑ 9.5%	-8.0%	(1,038)	(17.7)	1.5
SDE	↑ 9.4%	8.7%	1,217	7.6	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	1,067,280	2.3%	925	35.7	0.8
HPG	572,480	12.5%	2,385	10.5	1.2
HBC	384,230	18.1%	3,544	5.2	0.9
TTF	384,070	1.7%	291	25.1	0.5
PPC	315,770	17.4%	1,939	8.6	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	648,800	7.4%	789	11.9	0.9
PVX	402,400	-36.6%	(3,019)	-	0.7
VIG	357,400	-25.5%	(1,860)	-	0.5
APS	280,000	3.3%	266	14.7	0.5
VCG	148,600	1.5%	220	56.9	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	86,791	38.8%	5,173	8.9	3.2
VNM	86,687	41.6%	6,981	14.9	5.6
MSN	80,412	8.7%	2,156	54.3	5.8
VCB	74,157	12.4%	2,238	14.3	1.8
VIC	59,399	18.4%	2,041	31.4	5.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,472	7.5%	988	16.7	1.2
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
PVS	6,567	17.9%	3,119	4.7	1.1
SHB	6,114	0.4%	44	156.2	0.6
VCG	5,521	1.5%	220	56.9	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDM	3.11	5761.2%	(5,617)	-	(0.4)
SBS	2.47	-53.9%	(1,067)	-	(0.7)
BVH	2.31	10.5%	1,835	27.8	2.9
KBC	2.27	-10.5%	(1,517)	-	0.6
OGC	2.12	1.6%	181	78.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S96	3.30	-5.9%	(455)	-	0.5
VCG	3.23	1.5%	220	56.9	1.1
SCR	2.92	3.8%	587	14.5	0.5
PSG	2.92	-176.9%	(7,181)	-	2.4
SHN	2.75	-88.1%	(3,921)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)